TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:30/2020/HNGĐ-ST Ngày: 04-8-2020. V/v tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon

2. Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phiêu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Phạm Thúy K, sinh năm: 2000.

Nơi cư trú: Số 39/B, ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm:2001.

Nơi cư trú: Số 723/B, ấp T, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị B, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn chị K có mặt, bị đơn anh Việt có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020, các bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Thúy K và bị đơn anh Nguyễn Quốc V cùng trình bày:

Chị K và anh Việt tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 năm và được sự đồng ý của gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2018 và không có đăng ký kết hôn do anh Việt chưa đủ tuổi kết hôn, sau khi đám cưới vợ chồng anh chị sống chung với gia đình cha mẹ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc.Trong thời gian chung sống có tạo được: Về con chung có 01 người tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/9/2019, hiện đang sống với chị K, về tài sản chung có 15 chỉ vàng 24kra (vàng cưới bà Lê Thị B là mẹ chồng đang quản lý), nợ chung không có.

Nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Thúy K trình bày: Đến khoản tháng 3/2019 thì chị K bỏ về nhà ông bà nội sống với lý do mâu thuẫn với gia đình chồng về việc quản lý vàng cưới, cha mẹ chồng khó khăn. Khi chị K bỏ đi thì đang mang thai, mặc dù làm chung công ty may nhưng anh Việt không nói chuyện và không có ý muốn hàn gắn tình cảm, lúc chị K đi sinh con anh Việt không có hỏi thăm, chăm sóc, chỉ cho chị K được 1.000.000đ, nhận thấy không còn tình cảm với anh Việt và không thể hàn gắn được. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc V, con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trà M cho đến trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Việt cấp dưỡng cho con, tài sản chung đã tự thỏa thuận xong, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà B, do bà B đã giao trả lại 15 chỉ vàng 24kra cho chị K và anh Việt.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày: Chị K tự ý bỏ đi về nhà ông bà nội vợ sống, anh Việt và gia đình có đến gặp chị K và gia đình để hàn gắn tình cảm nhưng không được, anh Việt không đến thăm, chăm sóc lúc chị K sinh con là do gia đình chị K ngăn cản. Nay anh Việt thống nhất ly hôn với chị K, con chung thống nhất giao cháu Trà M cho chị K tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến trưởng thành đủ 18 tuổi, không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung đã tự thỏa thuận xong, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: Bà là mẹ ruột của anh V, mẹ chồng của chị K, khi tổ chức đám cưới, vợ chồng bà có cho chị K và anh V 15 chỉ vàng 24kra, sau khi chị K về nhà cha mẹ ruột sống thì số vàng nêu trên bà B quản lý. Nay bà B đã giao trả 15 chỉ vàng 24kra cho chị K và anh V xong, ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Phạm Thúy K trình bày: Cương quyết ly hôn với anh V do không còn tình cảm, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con, tài sản chung đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Quốc V trình bày: Thống nhất ly hôn với chị K, không thể hàn gắn tình cảm được, con chung thống nhất giao cho chị K nuôi

dưỡng cho đến trưởng thành, không cấp dưỡng cho con, tài sản chung đã thỏa thuận xong, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Phạm Thúy K và anh Nguyễn Quốc V; Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/9/2019 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không có yêu cầu; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đình chỉ yêu cầu của chị K về việc chia đôi tài sản chung là 15 chỉ vàng 9999 mà bà B đang quản lý; Về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh V, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Thị, xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị K và anh V không có đăng ký kết hôn, nay chị K yêu cầu ly hôn với anh V, yêu cầu nuôi con, chia tài sản chung, nên phát sinh tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp nuôi con, tài sản chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B là phù hợp và đúng theo quy

định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị K và anh V là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định, do anh V chưa đủ tuổi kết hôn, nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*".

Trong thời gian chung sống chị K và anh V phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, mâu thuẫn với gia đình chồng, đã ly thân từ tháng 03/2019 đến nay nhưng không hàn gắn được. Tại phiên tòa chị K cương quyết ly hôn với anh V, anh V cũng đồng ý ly hôn với chị K. Do chị K và anh V chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do chưa đủ điều kiện kết hôn như đã nêu trên. Nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung: Anh V thống nhất giao cháu Trà M cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành đủ 18 tuổi, anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị K không có yêu cầu. Việc thỏa thuận nuôi con chung nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị K và anh V. Sau khi ly hôn, anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do chị K không có yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5.] Đối với yêu cầu của chị K về việc yêu cầu bà Lê Thị B trả lại 15 chỉ vàng 24kra và yêu cầu chia ½ tài sản chung:

Căn cứ Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị K ngày 14/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị K tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà B trả lại 15 chỉ vàng 24kra và yêu cầu chia ½ tài sản chung, do bà B đã trả vàng và chị K, anh V đã thỏa thuận về việc chia tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên và việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút được quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.6.] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Thúy K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V không phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Phạm Thúy K và anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Nguyễn Phạm Thúy K và anh Nguyễn Quốc V.

Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/9/2019 cho chị Nguyễn Phạm Thúy K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quốc V không phải cấp dưỡng cho cháu Trà M do chị Thúy K không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Quốc V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Quốc V không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Thúy K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh V.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phạm Thúy K về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc V chia ½ tài sản chung là 15 chỉ vàng 24kra và yêu cầu bà Lê Thị B trả lại 15 chỉ vàng 24kra.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Thúy K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 1.200.000đ (*Một triệu, hai trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0002018 ngày

01/7/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, hoàn trả cho chị K số tiền 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/8/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- UBND xã A, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ